

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 18 - 01 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Nghiêm.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên (*do có công việc đột xuất không thể tham gia phiên tòa và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt kiểm sát viên*).

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2021, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-KDTM ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số xx đường L, phường T, quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Quốc V - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa, theo Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Năng T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa, theo Quyết định ủy quyền số: 626/NHN₀-NC ngày 31/3/2021.

Địa chỉ: Số xxx đường B, tiểu khu B, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Anh T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà H và ông T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2021, bản tự khai ngày 01/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền lại của nguyên đơn, ông Lê Năng Thủy trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số: 3521- LAV-201803733 ngày 06/6/2018, thể hiện: Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa cho bà Trần Thị H, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, vay số tiền 400.000.000đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Mục đích vay vốn: Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm chi phí xây nhà xưởng may gia công và mua máy may công nghiệp; thời hạn vay 04 năm; kỳ trả nợ gốc 06 kỳ, 06 tháng/kỳ, mỗi kỳ trả gốc 50.000.000 đồng. Lãi suất vay vốn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36, diện tích 530m² và tài sản gắn liền với đất là: 01 nhà ở 01 tầng, diện tích xây dựng 76m², diện tích sử dụng 76m², kết cấu tường xây gạch; khung, mái đổ bê tông cốt thép và lợp tôn; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất là bà Trần Thị H và ông Lương Anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 239711 cấp ngày 11/4/2012, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3521/013/57/2018 ngày 30/5/2018 do văn phòng Công chứng Bến Sung, khu phố 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/5/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Nông Cống, nam Thanh Hóa tính đến ngày 25/3/2020 tổng số tiền gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); tiền lãi đã trả tính đến ngày 25/3/2020 là 69.250.110 đồng (*Sáu mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm mười đồng*). Kể từ đó cho đến nay, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Khi bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với bà H nhiều lần nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khó khăn tìm nguồn trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên bà H không có thiện chí trong việc trả nợ cho ngân hàng như đã cam kết. Đến

thời điểm khởi kiện, đã quá thời hạn trả nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/01/2022), bà Trần Thị H còn nợ ngân hàng số tiền gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), tiền lãi là 57.192.468 đồng (*Năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N chi nhánh huyện Nông Cống, nam Thanh Hóa đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là: Nợ gốc còn lại: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); nợ lãi trong hạn: 49.952.056 đồng (*Bốn mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn 7.240.412 đồng (*Bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng*) Tổng cộng cả gốc và lãi là: **307.192.468 đồng** (*Ba trăm lẻ bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*). Bà H còn tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Ngân hàng đề nghị tiếp tục duy trì tài sản đảm bảo và quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36; địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nếu bà H không thực hiện việc trả nợ.

* *Đối với bà Trần Thị H và ông Lương Anh T1*: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tiếp cho bà H và ông T1, nhưng bà H và ông T1 không đến Tòa án để làm việc, không nộp văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành việc xác minh về sự có mặt, vắng mặt của bà H và ông T1 tại nơi cư trú; xác minh về việc giao - nhận, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà H và ông T1; bà Trương Thị Đ (mẹ đẻ bà H) cho biết: Bà H và ông T1 hiện nay không có mặt tại địa phương mà đang ở và làm việc ngoài Hà Nội. Bà đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và các văn bản tố tụng khác. Bà đã trực tiếp gọi điện thoại báo cho bà H và ông T1 được biết về nội dung các văn bản Tòa án đã tổng đạt. Bà H và ông T1 biết việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông T1 phải trả số tiền còn nợ của Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Nhưng vì lý do con ốm, vì dịch bệnh Covid-19 nên không về được.

Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xác minh tình trạng của diện tích đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36, địa chỉ: thôn B,

xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Bà Trần Thị V - Công chức địa chính xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cung cấp thông tin: Diện tích đất 530 m² tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: BK 239711 cấp ngày 11/4/2012 địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đứng tên bà Trần Thị H, sinh năm 1988 và ông Lường Anh T1, sinh năm 1985 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa. Hiện nay quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên chưa làm thủ tục chuyển nhượng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm cho khoản vay của Ngân hàng là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; thể hiện: Nhà và đất tại Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36 tại thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa không có người ở, cửa cổng khóa nên đoàn xem xét, thẩm định không thể vào bên trong tiến hành đo đạc diện tích đất. Quan sát và xem xét từ bên ngoài thì tài sản trên đất là 01 nhà 01 tầng, mái thái, lợp tôn kèm các công trình phụ và 01 nhà xưởng lợp tôn, 01 bán bình lợp tôn, bao quanh thửa đất là tường rào xây bằng gạch côm, 01 sân lát gạch men, 01 sân xi măng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật: Ngày 06/6/2018 Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa và bà Trần Thị H là cá nhân có đăng ký kinh doanh, ký kết hợp đồng tín dụng số: 3521-LAV-201803733, thể hiện bà H vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng, với mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như chi phí xây nhà xưởng may gia công và mua máy may công nghiệp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận. Ngày 20/7/2021 Ngân hàng khởi kiện bà H tại Tòa án. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện hộ kinh doanh bà Trần Thị H là hai tổ chức có đăng ký kinh doanh, hai bên giao kết hợp đồng, đều có mục đích lợi nhuận.

Bà Trần Thị H có hộ khẩu thường trú và đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân huyện

Nông Công, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H và ông T1 không có mặt nên không tiến hành được phiên hòa giải thuộc trường hợp không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định tại điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/01/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng bà H và ông T1 vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và ông T1 vẫn tiếp tục vắng mặt, tuy nhiên bà H và ông T1 đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H và ông T1 là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nợ gốc: Ngày 06/6/2018 Ngân hàng N chi nhánh huyện Nông Công, nam Thanh Hóa và bà Trần Thị H ký Hợp đồng tín dụng số: 3521-LAV-201803733, với nội dung: ngân hàng cho bà H vay số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Mục đích vay vốn: Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm chi phí xây nhà xưởng may gia công và mua máy may công nghiệp; thời hạn vay 04 năm; kỳ trả nợ gốc 06 kỳ, 06 tháng/kỳ, mỗi kỳ 50.000.000 đồng. Lãi suất vay vốn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 150.000.000 đồng; tiền lãi đã trả tính đến ngày 25/3/2020 là 69.250.110 đồng, từ sau đó bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Sau khi bà H vi phạm về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H phải trả nợ nhưng bà H không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc còn nợ là: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền gốc mà bà H còn nợ.

[2.2] về số nợ lãi: Trong quá trình vay nợ, bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 69.250.110 đồng và từ ngày 25/3/2020 đến nay bà H không tiếp tục trả lãi và số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 57.192.468 đồng (*Năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*).

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn thiếu tính đến ngày xét xử là 57.192.468 đồng (*Năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*). Gồm: nợ lãi trong hạn: 49.952.056 đồng (*Bốn mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn 7.240.412 đồng (*Bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng*). Bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền gốc và lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 3521 - LAV - 201803733 ngày 06/6/2018 mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36, diện tích 530m² và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở 01 tầng, diện tích xây dựng 76m², diện tích sử dụng 76m², kết cấu tường xây gạch; khung, mái đổ bê tông cốt thép và lợp tôn; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất là bà Trần Thị H và ông Lường Anh T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3521/013/57/2018 ngày 30/5/2018 do văn phòng Công chứng Bến Sung, khu phố 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa công chứng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/5/2018.

Xét thấy tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà H là thửa đất và tài sản trên đất đã được ký hợp đồng thế chấp, có đăng ký giao dịch bảo đảm, đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản bảo đảm tại giai đoạn thi hành án trong trường hợp phía bị đơn không trả được các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117; 280; 292; 293; 295; 298; 299; 303; 317; 318; 463; 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa đối với bà Trần Thị H.

1.1. Buộc bà Trần Thị H, địa chỉ: thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa phải trả cho Ngân hàng N - chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa, địa chỉ: Số xxxx đường B, tiểu khu B, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, số tiền nợ gốc là: **250.000.000 đồng** (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/01/2022) là **57.192.468 đồng** (*Năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*). Gồm: nợ lãi trong hạn: 49.952.056 đồng (*Bốn mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*), nợ lãi quá hạn 7.240.412 đồng (*Bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng*) Tổng cả gốc và lãi là: **307.192.468 đồng** (*Ba trăm lẻ bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng*).

1.2. Trong trường hợp bà Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng N - chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 309, tờ bản đồ số 36, diện tích 530m² và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở 01 tầng, diện tích xây dựng 76m², diện tích sử dụng 76m², kết cấu tường xây gạch; khung, mái đổ bê tông cốt thép và lợp tôn; địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất là bà Trần Thị H và ông Lương Anh T1 .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lại lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 15.359.600đ (*Mười lăm triệu ba trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh huyện Nông Cống, Nam Thanh Hóa 7.270.000đ (*Bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2019/0002460 ngày 28/7/2021.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh